



## TỤC PHÁT ẤN ĐỀN TRẦN - TỪ GÓC NHÌN TÍN NGƯỠNG THANH ĐỒNG

GS.TS. KIỀU THU HOẠCH\*

### Lời Tòa soạn:

Ngày 18/7/2011, tại thành phố Nam Định đã diễn ra "Hội thảo về mô hình tổ chức, quản lý lễ hội đền Trần", do UBND tỉnh Nam Định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định và Viện Văn hoá nghệ thuật Việt Nam tổ chức. Những người tham dự hội thảo, theo góc nhìn lịch sử, thì cho rằng, chuyện khai, phát ấn chỉ vài năm nay mới rộ lên, trước đây tại đền Trần không hề có chuyện khai, phát ấn. Cũng từ góc nhìn này, một số nhà sử học đã hiểu câu chuyện "phát ấn" với "khai ấn" và cho rằng, đây là tục lệ cổ, mở đầu ngày làm việc của triều đình trong một năm mới. Nó đơn giản chỉ là một thủ tục mang tính chất hành chính. Tuy nhiên, quan điểm này sẽ khó lý giải về lễ ban ấn tại lễ hội đền Trần mùa thu, vì nó không hề liên quan đến khai ấn đầu năm mới.

Tiếp cận vấn đề từ góc nhìn tín ngưỡng dân gian, GS. Kiều Thu Hoạch đã đưa ra một quan điểm khác mà lâu nay chúng ta chưa được biết tới để hiểu rõ cội nguồn của lễ ban ấn trong lễ hội đền Trần. Sau đây, Tạp chí Di sản văn hoá xin trân trọng giới thiệu bài viết của GS. Kiều Thu Hoạch để bạn đọc cùng tham khảo.

"Nào hay rằng Hưng Đạo Vương  
Thanh tiên Đồng tử Thiên hoàng giáng sinh".

(Thiên Nam ngữ lục)<sup>1</sup>.

1- Thanh đồng - dòng tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần

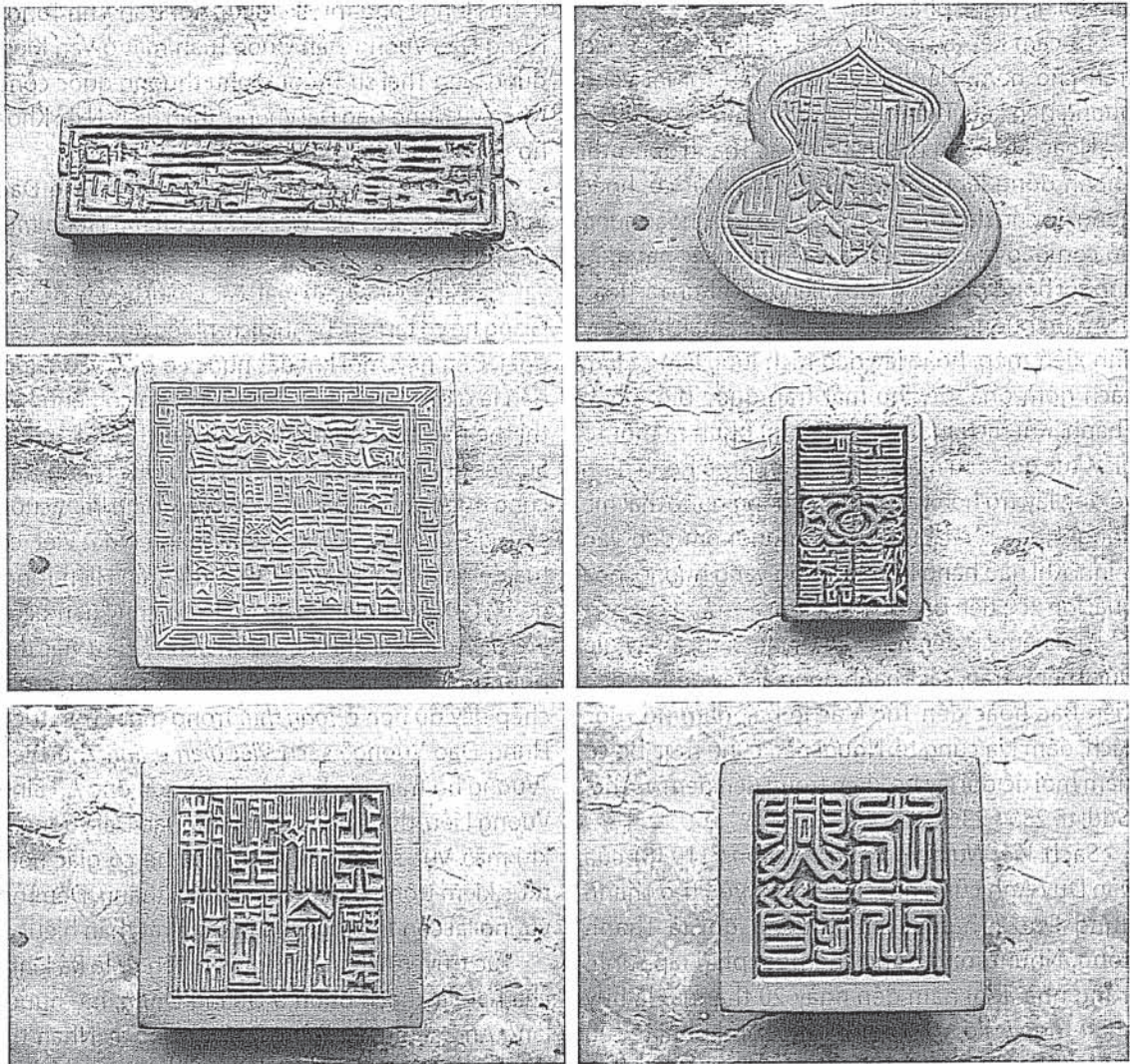
Đó là lời sử ca dân gian, sách biên soạn vào thế kỷ XVII, ghi chép về Kỳ nhà Trần, nói về sự ra đời của Trần Hưng Đạo, theo huyền tích: Trần Hưng Đạo là Thanh tiên Đồng tử giáng sinh.

Chính trên cơ sở đó mà sau khi Trần Hưng Đạo mất, đã nảy sinh một dòng tín ngưỡng mang tên Thanh đồng. An Nam phong tục sách của Mai Viên Đoàn Triển, cử nhân khoa Bính Tuất, trực học sĩ Viện Hàn lâm, lĩnh tuấn vũ Hà Nam, soạn năm Duy Tân thứ 2 (1908) có lẽ là cuốn sách phong tục sớm nhất nói về tín ngưỡng Thanh đồng. Tác giả viết:

Thanh đồng thờ Hưng Đạo Đại Vương. Đàn bà đau ốm, hoặc hữu sinh vô dưỡng, cho rằng có tà ma

gàn quai, họ đến thiện đàn lễ bái. Người chủ đàn lễ bái trước thần vị, tức thì có thần lên phụ đồng, rồi thần mượn cửa miệng ông đồng mà truyền phán, khiến người bệnh ngời yên lặng trước đàn. Trong khi đó, ông đồng lấy nén hương mà vẽ bùa, bắt ma quỷ phụ vào bệnh nhân hoặc tự trói mình, tự đánh đập, tự tra hỏi, lấy cung, ý như phép quan. Như thế gọi là trừ tà trị bệnh. Ông đồng có khi còn lấy dao khóa vào lưỡi cho máu nhỏ xuống tờ giấy bản – gọi đó là "dấu mận", rồi đốt tờ bùa ấy ra tro, hoà với tàn hương nước thải cho bệnh nhân uống... Ngày 20 tháng 8 là ngày giỗ Hưng Đạo Đại Vương, có hàng vạn thiện nam, tín nữ đến các đền thờ Đức Thánh Trần làm lễ; nhiều người còn mua chiếu mới, gươm gỗ mới đến dâng tiến rồi đổi lấy chiếu cũ, gươm cũ tại các đền thờ Đức Thánh Trần mang về lấy khước mã thờ cúng tại nhà mình (dịch theo bản chữ Hán, ký hiệu Thư viện VHv. 2665 và A. 153 của thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm).

\* Viện Nghiên cứu văn hoá



Một số ấn của đền Trần Thương (Nam Định) - Ảnh: Đức Dũng

Sau *An Nam phong tục sách* (1908), cuốn *Việt Nam phong tục* của Phan Kế Bính vốn được in năm 1915 và đã qua nhiều lần tái bản, mục "Thanh đồng" trong bản in lại của Nhà Xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh (1995) ghi:

"Thanh đồng là những người thờ về Đức Thánh Trần. Người tin mình là có số thờ, thường lập riêng cửa bàn, cửa tính trong nhà, bài trí cờ kiếm tôn nghiêm, hoặc hộp con hương (nhang) để tử lập một cửa điện, ngày đêm hương khói phụng thờ.

Đàn bà sinh sản đau yếu, hoặc con gái hiếm muộn, thường cho rằng, bệnh do Phạm Nhan làm, hoặc là tiền kiếp, phu thê ghen tuông, hoặc là vì thạch tinh, cốt khí, yêu ma, quỷ quái ám ảnh mà thành bệnh, người có bệnh đem vàng hương, trầu,

rượu đến cửa điện lễ bái, nhờ Thanh đồng kêu khẩn, xin Đức Thánh Trần trừ tà cho. Người có bệnh ngồi đồng, phải bịt cái khăn tay đỏ vào mặt, rồi Thanh đồng cầm vài nén hương thư phù vào mặt mũi và đôi bàn tay người ngồi đồng, niệm chú một vài câu, lại có bọn cung văn đánh trống, gõ phách, đọc bài văn sai để ộp đồng, một lúc thì người ngồi đồng lao đảo, tà ma nhập vào mình. Thanh đồng tức thì quát mắng, hỏi tra như quan tấn tù. Người ngồi đồng hoặc tự mình cầm võ đập vào đầu mình, hoặc cầm bàn và tát vào má, hoặc cầm roi đánh vào mình. Đến khi nào tà ma cung chiêu nhận tội thì Thanh đồng truyền lệnh Thánh, bắt phải làm tờ cam kết, tờ rày không được quấy nhiễu người ta. Trong tờ cam đoan phải ký tên, điểm chỉ, rồi Thanh đồng truyền



làm tội gì, tà ma phải chịu.

Tờ cam kết ấy, người có bệnh linh về mà dán trên chỗ nằm. Hễ khi nào đau yếu thì lại vàng hương đến kêu, Thánh sẽ lại trị tội bọn tà ma.

Hoặc, khi bóng Thánh nhập vào Thanh đồng, thì Thanh đồng lại ra oai, hoặc lấy lụa thắt cổ, hoặc nung đỏ con dao mà giã chân lên trên, hoặc nung đỏ con dao mà giã chân lên trên, hoặc nấu dầu cho sôi bông mà uống vào miệng rồi phun ra, hoặc đốt nắm hương đốt cả vào mồm mà nhai, hoặc lấy linh xiên mép, hoặc lấy dao rạch lưỡi, làm ra lăm cách gớm ghê, để cho mắt trần được biết phép Thánh. Khi rạch lưỡi chảy máu thì phun ra một tờ giấy, tục gọi "dầu mẩn", để cho người có bệnh đem về đốt, lấy tro hoà vào với tàn hương nước thải mà uống. Hoặc phát bùa để cho người ốm đeo vào mình. Khi nào hành lễ, phải dùng vàng hương, hoa quả, lợn xôi, tiền bạc để mà lễ tạ.

Mỗi năm cứ đến ngày 20 tháng 8, tức ngày giỗ Đức Thánh Trần, các Thanh đồng ai nấy đều về đền Kiếp Bạc hoặc đền Túc Mặc lễ bái, đám nọ rước xách, đám kia cúng tế. Người nào cũng mua bộ cờ kiếm mới để đổi lấy bộ kiếm trong đền đem về thờ" (Sđd, tr. 235 - 236).

Sách *Việt Nam văn hoá sử cương* (1938) của Đào Duy Anh cũng ghi: "Người chuyên thờ Thánh Hưng Đạo (Thánh Trần) thường gọi là Thanh đồng. Những ông đồng thờ ngài phải lập "tĩnh" trong nhà. Mỗi năm đến ngày 20 tháng 8 là huy nhật - ngày giỗ, các ông Thanh đồng phải tề tựu ở đền Kiếp Bạc, tỉnh Hải Dương, hay ở đền Bảo Lộc, đền Túc Mặc ở Nam Định để lễ bái" (Sđd, mục "Tề tựu trong dân gian").

Như vậy, qua một số sách ghi chép tiêu biểu về văn hoá phong tục, chúng ta thấy rằng, chí ít là từ thời Nguyễn trở đi, trong dân gian đã xuất hiện dòng tín ngưỡng Thanh đồng thờ Đức Thánh Trần, do các ông đồng được gọi là Thanh đồng chủ trì, lập cửa bàn, cửa tĩnh tại gia đình để thực hành các nghi thức tín ngưỡng. Tuy nhiên, nếu xem xét về mặt thời gian, thì chắc chắn tín ngưỡng Thanh đồng không phải chỉ bắt đầu từ thời Nguyễn. Nói khác đi, nếu ta coi tín ngưỡng Thanh đồng thực chất là tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo, thì không thể không ngược dòng thời gian để tìm hiểu sâu hơn về ngọn nguồn của dòng tín ngưỡng này.

Đi tìm trong chính sử, qua *Đại Việt sử ký toàn thư*, chúng ta được biết, vào "mùa thu tháng 8, ngày 20

(năm Hưng Long thứ 8 (1300), đời Trần Anh Tông), Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn mất ở Vạn Kiếp, được tặng Thái sư Thượng phụ thượng quốc công Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương" (bản dịch, Nxb. Khoa học xã hội Hà Nội, 1985, tr. 78).

Và, điều thú vị là, chỉ ngay sau khi Hưng Đạo Vương mất, sách *Đại Việt sử ký toàn thư* (*Toàn thư*) đã cho biết:

"Sau khi Quốc Tuấn mất, các châu, huyện ở Lạng Giang hễ có tai nạn, bệnh dịch, nhiều người cầu đảo ngài. Đến nay, mỗi khi đất nước có giặc vào cướp, đến lễ ở đền ngài, hễ tráp đựng kiếm có tiếng kêu thì thế nào cũng thắng lớn" (bản dịch, Sđd, tr. 79). Sự việc nhân dân cầu đảo ở đền thờ Đức Thánh Trần cũng được ghi chép trong *Việt điện u linh*, một cuốn sách ghi chép sự tích các thần thánh ở đất Việt, có tựa đề năm Khai Hựu 1 (1329), đời Trần Hiến Tông, do Lý Tế Xuyên biên soạn. Có lẽ do chức năng của *Việt điện u linh* là ghi chép thần tích, nên sự việc thờ phụng Đức Thánh Trần trong sách này được ghi chép đầy đủ hơn ở *Toàn thư*. Trong mục "Trần triều Hưng Đạo Vương", sách *Việt điện u linh* cho biết: "Vương họ Trần, tên là Quốc Tuấn, con ông An Sinh Vương Liễu, được phong là Hưng Đạo Đại Vương..., khi mất, vua sai lập đền thờ. Sau hễ có giặc đến, rước kiếm trong đền ra trận tất đại thắng. Đền thờ vương lại còn trị bệnh Phạm Nhan rất thần hiệu.

Tục truyền, Nhan họ Nguyễn, tên tự là Bá Linh, cha hắn là khách buôn ở Quảng Đông, mẹ người làng An Bài (huyện Đông Triều) nước ta. Nhan thi đậu tiến sĩ đời Nguyên, biết thuật phù thủy, thường lên vào hậu cung, bị bắt, sắp đem giết. Ngay khi đó, nhân gặp lúc nhà Nguyên cất quân sang xâm lấn nước ta, Nhan xin với vua Nguyên cho làm hướng đạo để chuộc tội, vua Nguyên thuận cho. Trong trận Bạch Đằng, Nhan bị Hưng Đạo Vương bắt sống, đem về hành hình ở làng mẹ, đầu vớt xuống sông, có người đánh cá cất lưới vớt được, đem quăng đi mấy lần đầu lại vào lưới. Thấy lạ, người đánh cá mới khẩn rằng: hồn có thật thiêng giúp tôi được nhiều cá, tôi sẽ mai táng cho. Hôm ấy, quả nhiên đánh được rất nhiều cá, người đánh cá mới đem đầu Nhan lên bờ mai táng. Hồn rất thiêng, thường hiện lên cùng bọn đánh cá chơi đùa, lâu ngày thành quen, mọi người bèn lập đền thờ Nhan.

Lại tục truyền, trước khi Nhan bị hành hình, y có hỏi Hưng Đạo Đại Vương rằng, sau khi tôi chết, đại vương cho ăn gì. Lúc ấy tướng Dã Tượng đứng bên Đại Vương liền nổi giận nói: Cho mày ăn máu để

đàn bà. Thế là sau đó, hồn Phạm Nhan đi khắp trong nước, hề thấy đàn bà đến kỳ thai sản liền theo ngay, làm cho người ấy đau liên miên, thuốc chữa không thể khỏi. Hề người nhà đến lễ đến Đức Thánh Trần, xin lấy manh chiếu cũ trong đền đem về cho bệnh nhân nằm và lấy tàn hương ở đền đem hoà nước cho uống thì khỏi ngay. Có khi, người mang chiếu ở đền Đại Vương vừa về đến nhà thì bệnh nhân khỏi luôn. Bởi vậy, có rất nhiều người đến lễ đến Đại Vương để cầu trừ tà chữa bệnh" (Sđd, bản dịch, Nxb. Văn hoá, Viện Văn học, Hà Nội, 1960, tr. 70 - 71).

Như thế, rõ ràng là, qua *Đại Việt sử ký toàn thư* - bộ chính sử thời Đại Việt, cũng như qua *Việt điện u linh* - cuốn sách tâm linh thời Trần, chúng ta được biết, việc sùng bái Đức Thánh Trần đã diễn ra từ rất sớm, ngay trong thời Trần, có lẽ chỉ sau khi Hưng Đạo Vương mất không xa. Điều này không có gì lạ, bởi từ ngàn đời nay dân tộc ta "luôn luôn giữ vững một truyền thống có ý nghĩa hay và đẹp vô cùng: Tưởng nhớ những người đã có công lớn trong việc dựng nước và giữ nước" (Phạm Văn Đồng). Còn trong dân gian thì cũng từ rất lâu đời, vẫn có quan niệm "sinh vi tướng, tử vi thần", "sống là tiết nghĩa, chết nên phúc thần" (*Thiên Nam ngữ lục*). Bởi vậy, trong tâm thức dân gian, chàng đợi triều đình lập đền thờ, một Trần Hưng Đạo danh tướng, anh hùng, từng đánh thắng giặc Nguyên Mông hung hãn tất yếu phải trở thành một vị thánh, một vị thần linh được nhân dân đời đời thờ phụng. *Sử Nam chi di*, tập truyện dân gian bằng chữ Nôm, do Trần Gia Du soạn năm Tự Đức 30 (1877) (ký hiệu Thư viện Viện Nghiên cứu Hán - Nôm là AB. 385), trong mục "nói về sự tích ông Thánh Hưng Đạo" đã kể: "Đến đời vua Trần Anh Tông năm Hưng Long thứ 8 (1300) thời ông Hưng Đạo mất, vua cảm công đức, sai lập đền thờ ở chỗ đồn Vạn Kiếp; là xã Vạn Yên, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh, trải nhiều đời vẫn anh linh lắm. Ai có "tà ma", đến cầu thời được khỏi ngay. Hoá cho nên, các dân đầu đầu, ai cũng lập đền riêng ở nhà thờ vọng".

Đương nhiên, muốn đánh giá đúng về nhân vật Trần Hưng Đạo, một anh hùng trong lịch sử giữ nước đã diễn biến như thế nào để trở thành một vị thánh, một Đức Thánh Trần trong tín ngưỡng dân gian nói chung, cũng như trong tín ngưỡng Thanh đồng nói riêng, thì chúng ta cần phải có một cái nhìn toàn cảnh về không gian văn hoá - xã hội của cả thời đại nhà Trần nói chung; của gia đình Trần

Hưng Đạo nói riêng.

Trước hết, tìm hiểu dòng dõi nhà Trần, chúng ta bắt gặp rất nhiều điều thú vị; hiếm thấy một dòng họ nào như thế. Theo sử sách cũng như sử miệng dân gian, họ Trần có gốc tích từ dân chài: ông tổ Trần Kinh là Cá Kinh; các con ông thì Trần Lý là Cá Chép, Trần Hấp là Cá Trắm; rồi Trần Lý đẻ ra Trần Liễu là Cá Nheo, lại đẻ ra Trần Cảnh là Cá Lành Canh. Qua đó ta thấy, tên các loài cá đã được Hán hoá từ nguyên gốc là các tên nôm na có trước. Về lai lịch Trần Hưng Đạo, bộ sử ca dân gian *Thiên Nam ngữ lục* cũng theo huyền tích mà kể rằng, ông vốn là Thanh tiên Đồng tử giáng sinh:

*Thốt sự Trần Liễu anh vua  
Phu nhân đêm ấy mờ mờ chiêm bao  
Thấy người áo xanh bởi nao  
Đến bên hỏi mẹ ấp vào trong nường  
Phu nhân chợt thức mơ màng  
Dạ bỗng bừng bừng dường thấy có thai  
Mãn nguyệt tháng kể chín mười  
Sinh ra nam tử khác loài phàm gian*

(Sđd, từ câu 5987 - 5994).

Bản sử ca đã kể cho chúng ta biết, mẹ Quốc Tuấn nằm mơ thấy người áo xanh (tức Thanh tiên Đồng tử) sà vào lòng, rồi sinh ra chàng trai khác loài phàm gian (tức người ở cõi tiên) không phải người phàm trần. Và, sử ca cho biết, chàng trai đó chính là:

*Nào hay rằng Hưng Đạo Vương  
Thanh tiên Đồng tử Thiên hoàng giáng sinh*

(Sđd, câu 6261 - 6262).

Trong *Thiên Nam ngữ lục*, mấy chữ Thanh tiên Đồng tử thường được dùng ở nhiều chỗ để chỉ Hưng Đạo Vương; cả khi Vương mất cũng ghi rằng:

*Mới hay vận cả cần khôn*

*Thanh tiên nhớ kiếp lại hoàn thượng thiên*

(Sđd, câu 6551 - 6552).

Một truyền thuyết đã được thần tích hoá lại kể rằng: khi Trần Quốc Tuấn lên bảy tuổi, cha ngài do có hiềm khích với vua Thái Tông, sợ vạ lây đến ngài, bèn sai người nhà giả cách đi buôn, đưa ngài đến chùa Trì Long, huyện Thanh Oai, làng Khúc Thủy để ở nhờ. Lúc ấy có ông thống Nhân giữ chùa, có phép kỳ binh độn toán, dị thuật kỳ phương. Ông thống thấy ngài liền hỏi lai lịch. Người thân của ngài nói dối là đi buôn thua lỗ, cho nên đem ngài đến nương thân. Thống Nhân thấy ngài khôi ngô, tỏ ý muốn truyền đạo pháp. Người thân của ngài đồng ý bèn để ngài ở lại chùa. Sau ba năm học tập, các sách về Phật đạo ngài đều lâu



thông, các loại binh pháp ngài cũng rất giỏi.

Khi ấy ở làng Khê Tang có cây gạo cổ thụ, cành lá rậm rạp, yêu khí biến hiện bất thường. Người làng đến chùa Trì Long ở Khúc Thủy tìm ông thống Nhân, để xin trừ yêu khí, cứu giúp dân làng. Nhưng khi đến nơi thì ông thống đã đi chơi vắng, chỉ có ngài Quốc Tuấn ở nhà. Ngài liền bảo dân có việc gì cứ nói. Người dân Khê Tang bèn đón ngài về làng. Ngài truyền lập đàn chay để tế trời đất, rồi lấy chỉ ngũ sắc để trước đàn, chỗ bên cây gạo cổ thụ. Ngài đọc thần chú xong, chợt thấy gió nổi ùng ùng, sấm sét dữ dội, trời đất mù mịt. Cây gạo gãy đổ. Một chốc trời quang mây tạnh, thấy một con rắn lớn dài hơn 10 trượng nằm chết ở gốc cây gạo, thân rắn bị chỉ ngũ sắc quấn quanh. Lát sau, con rắn hoá ra nước. Từ đấy nhân dân yên ổn, không còn bị yêu khí làm hại. Bấy giờ nhân dân làm lễ tạ, xin làm thần tử ngài. Sau ngài dẹp yên được giặc Nguyên, được vua phong cho ngài là Hưng Đạo Đại Vương (theo thần tích làng La Khê, phủ Thanh Oai, tỉnh Hà Đông)<sup>2</sup>.

Qua truyền thuyết này, có thể thấy rõ dân gian đã tạo dựng nên một Đức Thánh Trần với những yếu tố Đạo giáo phù thủy dân gian ngay từ thuở thiếu thời. Nhiều tư liệu cũng cho biết, chính Đức Thánh Trần đã bắt trói Phạm Nhan bằng chỉ ngũ sắc và giết Phạm Nhan bằng thanh kiếm thần mà sau này còn được thờ tại đền của Ngài. Bộ sử ca *Thiên Nam ngữ lục* cũng cho biết, chính tên Nguyễn Bá Linh (Phạm Nhan) vốn là con của Long vương và cũng là một phù thủy cao tay:

*Pháp môn phù thủy hơn người*

*Khiến tà làm chính, khiến tai làm tường*

(Sđd, câu 6119 - 6120).

Thực ra, tất cả những hiện tượng này đều có cơ sở xã hội - lịch sử ở thời Trần mà *Đại Việt sử ký toàn thư* còn ghi rõ vào năm Hưng Long 10 (1302), đời Trần Anh Tông: "Bấy giờ có người đạo sĩ phương Bắc là Hứa Tông Đạo theo thuyền buôn sang ta, cho ở bến Yên Hoa (nay là Yên Phụ, Hà Nội), phép phù thủy, đàn chay, bắt đầu thịnh hành từ đó" (*Toàn thư*, bản dịch Sđd, tr. 85).

Như vậy, với những cứ liệu văn bản và truyền miệng về lai lịch Trần Hưng Đạo, chúng ta hoàn toàn có cơ sở để thấy rõ một Trần Hưng Đạo anh hùng cứu nước đã bước vào không gian văn hoá tâm linh ở thời Trần, để trở thành một Đức Thánh Trần với những quyền năng của một đạo sĩ phù thủy để chữa bệnh cứu dân như thế nào trong tín

ngưỡng Thanh đồng.

Về tín ngưỡng Thanh đồng, tuy chỉ được ghi chép từ thời Nguyễn, với *An Nam phong tục sách*, song qua nhiều tài liệu khác, như chúng ta đã thấy, thì việc thờ phụng Đức Thánh Trần với những yếu tố của Đạo giáo phù thủy đã xuất hiện từ khá sớm, chẳng hạn như ghi nhận của *Đại Việt sử ký toàn thư* thì đã xuất hiện ngay sau khi Hưng Đạo Vương mất chỉ một vài năm.

Nói đến những yếu tố Đạo giáo phù thủy, thực chất cũng là nói đến những nội dung cơ bản của tín ngưỡng Thanh đồng. Mà một trong những đặc trưng của tín ngưỡng này là các Thanh đồng phải lập "cửa bàn" "cửa tĩnh" để thờ phụng Đức Thánh Trần tại nhà riêng.

*An Nam phong tục sách* cũng như các sách cùng loại không nói cụ thể về một điện thờ Đức Thánh Trần của một cá nhân nào, địa phương nào. Nhưng may thay, trong thực tế chúng ta vẫn còn có căn cứ để tìm hiểu về vấn đề này. Chẳng hạn, trong bản báo cáo kết quả điều tra khảo sát sưu tập dấu ấn tại điện Văn Lộc, xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Lộc của Bảo tàng tỉnh Nam Định, tháng 3 năm 2009, đã cho biết rõ: điện Văn Lộc vốn trước đây do một cá nhân (tư nhân) trong làng xây dựng và quản lý để thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo. Sau này, điện trở thành công trình tín ngưỡng chung, là nơi sinh hoạt văn hoá tâm linh cộng đồng của nhân dân xóm Phúc, xã Mỹ Thuận. Bản báo cáo cũng cho biết, tại điện Văn Lộc hiện còn 6 ấn gỗ, trong đó có các ấn về Trần Hưng Đạo như: Trần triều Hưng Đạo sắc mệnh chi bảo, Trần Hưng Đạo ấn; cũng có ấn riêng về điện Văn Lộc như: Văn Lộc linh ấn... thế là rõ, đây chính là dấu tích còn lại của một ngôi đền tư nhân trong hệ thống tín ngưỡng Thanh đồng như *An Nam phong tục sách* đã ghi chép.

Một chứng tích khác cũng rất thú vị về điện thờ Đức Thánh Trần trong hệ thống tín ngưỡng Thanh đồng, đó là Bảo Linh điện, hiện tọa lạc tại Phú Xuyên, Hà Tây cũ. Đền Bảo Linh thờ Đức Thánh Trần, do một đạo sĩ tại gia trụ trì là ông Trần Trung Thường, tiếp tục nghiệp đạo sĩ truyền thống (cũng tức là Thanh đồng như *An Nam phong tục sách* đã cho biết) của gia đình. Con trai ông Thường thuộc đời thứ 8, hiện nay đang kế tục công việc đền nhang của ông. Ngôi đền thờ Đức Thánh Trần có tên gọi là Bảo Linh điện được xây dựng từ cuối thời Lê Trung hưng và đã được trùng tu vào cuối thời Nguyễn. Nội thất và kiến trúc ngoài điện đến nay



vẫn còn bảo lưu được nguyên vẹn. Ngai thờ Trần Hưng Đạo đặt phía trước dãy thờ chư vị Thánh Mẫu, với nhiều đồ thờ, chứng tỏ đây là ngôi điện thuộc Đạo giáo dân gian. Điện còn lưu giữ được chín đạo sắc phong từ thời Lê Cảnh Hưng, chứng tỏ dòng họ của ông đồng Trần Trung Thượng đã được chân truyền nghiệp Thanh đồng từ nhiều đời nay. Theo ông đồng Trần cho biết, thì điểm nổi bật của ngôi đền này là các đạo bùa trấn yểm trừ tà đuổi quỷ, từ lâu đã được dán trong nhiều ngôi nhà ở vùng châu thổ sông Hồng và vùng kinh thành Thăng Long - Hà Nội. Các đạo bùa được làm với nhiều loại văn phù chú khác nhau, sau đó được đóng ấn phù theo từng loại. Hiện ở đền của ông đồng Trần có nhiều loại bùa cùng với 28 quả ấn gỗ khác nhau mà dòng họ ông đã tạo ra và giữ gìn ngót hai thế kỷ nay. Các quả ấn đều được làm bằng gỗ đào và gỗ lê, hầu hết đều có văn khắc theo thể chữ triện. Có thể kể đến một số ấn có khắc tên vương tước của Đức Thánh Trần như:

- Trần triều Hưng Đạo
- Trần Hưng Đạo ấn
- Trần Hưng Đạo Vương ấn
- Trần triều Hưng Đạo y hứa thánh tử (có nghĩa là Hưng Đạo Vương triều Trần chuẩn y cho làm các con của Đức Thánh - tức con nhang đệ tử, hoặc các ông Thanh đồng nói chung).

Ngoài ra, còn có một ấn khắc tên điện thờ Đức Thánh Trần là Bảo Linh điện ấn.

Theo lời kể của ông đồng Trần, thì số ấn này được làm từ thời lập điện thờ Đức Thánh Trần và bắt đầu nghiệp đạo sĩ (tức Thanh đồng) của cụ tổ nhà ông vào cuối thời hậu Lê. Ông cũng cho xem các sắc phong thời Lê Cảnh Hưng thì đều có thêm hình dấu ấn khắc tên Trần Hưng Đạo. Và, ông đồng Trần còn khẳng định rằng, tổ tiên mình xưa kia khi tiếp nhận tờ sắc phong đã dùng luôn con dấu của bản điện (Bảo Linh điện) đóng thêm vào tờ sắc đó. Việc lập điện thờ Đức Thánh Trần để phụng thờ và hành nghề đạo sĩ dân gian (tức Thanh đồng) phải có những con dấu khắc tên Đức Thánh Trần để đóng trên bùa chú khi cần, thì đó cũng là điều tất yếu<sup>3</sup>.

Qua điều tra các sách địa phương chí (bản Hán-Nôm) cùng khảo sát thực địa để biên soạn công trình *Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam*, tác giả Ngô Đức Thọ trong mục "Đền Kiếp Bạc" đã ghi nhận: "Công tích sự nghiệp của Hưng Đạo Đại Vương được huyền thoại hóa trên quy mô rộng lớn, nhiều

nơi trong nước dân dựng đền thờ Đức Thánh Trần" (Sđd, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 732). Điều này cho thấy, việc dân lập đền thờ như kiểu đền Bảo Linh là khá phổ biến và hiện tượng dân lập đền thờ Đức Thánh Trần như vậy rõ ràng cũng không nằm ngoài hệ thống tín ngưỡng Thanh đồng như *An Nam phong tục sách* đã cho biết.


Như vậy, không còn nghi ngờ gì nữa, rõ ràng là có một dòng tín ngưỡng Thanh đồng thờ Đức Thánh Trần, ít ra cũng đã xuất hiện từ thời Hậu Lê, mà đặc điểm của tín ngưỡng này là những ngôi đền, miếu do tư nhân xây dựng. Tuy nhiên, đó không phải là đền miếu thờ Hưng Đạo Đại Vương như một danh nhân lịch sử, mà là thờ một Đức Thánh Trần như một vị thần tối linh của một điện thờ mang tính chất Đạo giáo phù thủy, do một ông đồng gọi là Thanh đồng phụng sự việc đền nhang cùng các nghi thức tín ngưỡng khác.

#### 2- Từ tín ngưỡng Thanh đồng đến tục phát ấn đền Trần ngày nay

Khảo sát điện Bảo Linh ở Hà Tây chúng ta đã thấy, ông đồng (Thanh đồng) dùng con dấu có khắc tên Trần Hưng Đạo để đóng vào các lá bùa cho tín chủ bốn phương mang về dán ở nhà để trừ tà chữa bệnh. Như thế, chúng ta cũng có thể coi đây là một hình thức ban ấn/phát ấn của Đức Thánh Trần cho nhân dân. Có điều, đây là ngôi đền tư nhân của ông đồng chứ không phải ngôi đền chung của cả cộng đồng. Và, việc đóng ấn là đóng trên lá bùa chứ không phải đóng trên tờ giấy vàng như hiện nay. Mọi so sánh đều không tránh khỏi có phần khập khiễng. Song, dù sao chúng ta cũng không thể phủ nhận việc ban ấn của đền Trần tư nhân trong tín ngưỡng Thanh đồng chính là cội nguồn của tục ban ấn của các đền Trần hiện nay.

Nói cho đúng, chúng ta không nên coi tục ban ấn/phát ấn đền Trần hiện nay là có nguồn gốc lịch sử từ tục lệ cổ mở đầu ngày làm việc chính thức đầu tiên của triều đình trong một năm mới. Nếu nói như vậy thì làm sao giải thích được tục ban ấn còn diễn ra cả vào mùa thu (như *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 292/tháng 10/2008 đã đưa tin trong bài "Những hoạt động chính tại lễ hội mùa thu Kiếp Bạc - Côn Sơn năm 2008". Trong bài báo này, tác giả đã nói rõ: Lễ ban ấn diễn ra vào đêm 17 tháng 8 Âm lịch. Và, ở một đoạn khác nói cụ thể hơn: Lễ ban ấn diễn ra từ 21 giờ đến 24 giờ ngày 16 tháng 8 Âm lịch/15-9-2008)<sup>4</sup>. Như thế, rõ ràng không thể nói như một số tác giả trên các phương tiện truyền thông đại





chúng rằng: Lễ phát ấn đơn giản chỉ là một thủ tục hành chính. Ở đây, nhiều người đang có sự lầm lẫn về nguồn từ giữa tục khai ấn mang tính hành chính với tục phát ấn mang tính tín ngưỡng. Chỉ cần tra mục từ khai ấn trong *Hán Việt từ điển* của Đào Duy Anh, chẳng hạn, cũng được giảng giải khá rõ: "Theo lệ cũ, các quan thụ gấn ngày tết thì phong ấn lại nghị các công việc; đến ra năm mới chọn ngày tốt để mở ấn ra làm việc lại, gọi là khai ấn". Do hiểu sai về thuật ngữ nên đã dẫn đến sự hiểu sai về nguồn gốc lịch sử của phong tục. Chẳng hạn, sách *Nam Hà di tích và danh thắng* do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nam Hà xuất bản năm 1994, ở bài giới thiệu về "đền Trần và chùa Phổ Minh" đã viết:

"Vào dịp đầu năm, tại đền Trần, dân làng Tức Mặc bao giờ cũng tổ chức lễ khai ấn. Buổi lễ trọng thể này được diễn ra vào giữa đêm, điểm chót của ngày 14 và mở đầu cho ngày 15 tháng Giêng".

Và, người biên soạn sách đã giải thích: "Theo tập tục cổ, sau những ngày nghỉ ăn tết, bắt đầu từ ngày rằm, triều đình trở lại làm việc bình thường. Lễ khai ấn là lễ mở đầu cho ngày làm việc của một năm mới".

Những lời giải thích về lễ khai ấn ở đền Trần của vị cán bộ văn hóa này rõ ràng là đã ngộ nhận lễ khai ấn như một thủ tục hành chính. Ấy là chưa kể, ông ta còn nói, từ rằm tháng Giêng thì triều đình làm việc lại, không rõ xuất xứ từ đâu? Ấy là chưa kể, nếu tục khai ấn ở đền Trần Nam Định là lễ mở đầu cho ngày làm việc của một năm mới, thì sẽ lý giải nguồn gốc lịch sử của lễ ban ấn ở đền Trần - Kiếp Bạc diễn ra vào mùa thu tháng Tám là như thế nào?

Tuy nhiên, dù sao thì qua bài giới thiệu này, chúng ta cũng biết được một điều thú vị, đó là chi tiết cụ thể của buổi lễ phát ấn: "Cuối cùng, làng tổ chức đóng dấu bằng son đỏ trên các tờ giấy vàng, rồi chia phát cho những người có mặt trong buổi lễ, đưa về treo tại các gia đình để lấy may và xua đuổi mọi rủi ro". Và, bài viết còn cho biết thêm rằng, tại tỉnh Nam Hà đã có tới 227 điểm thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (Sđd, tr. 38 - 39). Như thế, gọi đúng tên của buổi lễ thì phải gọi là "lễ phát ấn" chứ không thể gọi là "lễ khai ấn". Và, rõ ràng đây là một phong tục mang ý nghĩa tâm linh: treo tờ giấy vàng có đóng dấu bằng son đỏ tại gia đình "để lấy may và xua đuổi mọi rủi ro".

### 3- Tạm kết:

Tóm lại, tục phát ấn đền Trần trước đây và hiện nay, cả dịp đầu xuân và cả vào mùa thu (như ở hội

đền Kiếp Bạc), là có nguồn gốc từ tín ngưỡng Thanh đồng thờ Đức Thánh Trần. Tục lệ này là một tín ngưỡng sùng bái Đức Thánh Trần thuộc lĩnh vực văn hóa tâm linh, không liên quan gì đến "Lễ khai ấn" của triều đình phong kiến thời xưa<sup>5</sup>.

Về mặt chữ nghĩa, chúng ta nên thống nhất dùng từ "phát ấn/ban ấn", mà không nên dùng từ "khai ấn" - đây là một sự ngộ nhận rất đáng tiếc. Chính vì sự ngộ nhận này mà vô hình chung đã gây nên những cuộc tranh cãi vô bổ trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Nguồn gốc của tục phát ấn đã được làm rõ, có điều chúng ta cần nhận thức đúng là tục phát ấn chỉ là một khâu trong tổng thể các hoạt động của lễ hội tưởng niệm Đức Thánh Trần, do đó, không thể tách tục phát ấn ra khỏi lễ hội đền Trần nói chung. Có thể coi lễ hội mùa thu Kiếp Bạc năm 2008 gắn với lễ tưởng niệm 708 năm ngày mất của anh hùng dân tộc Hưng Đạo Vương như một mô hình mẫu mực về mặt tổ chức lễ hội. Hội đền Kiếp Bạc năm đó được tổ chức trong 5 ngày (từ 15 đến 19 tháng 9 năm 2008), với rất nhiều hoạt động phong phú, xen kẽ với các diễn xướng dân gian là lễ ban ấn và cả nghi thức hầu Đức Thánh Trần... thu hút hàng vạn người tham gia, đã thành công rất tốt đẹp, được nhân dân và tín chủ khắp nơi nhiệt liệt hưởng ứng. Mong rằng, lễ hội Đền Trần ở xứ Sơn Nam từ nay về sau cũng làm được như vậy, mà không nên chỉ đơn thuần là lễ phát ấn... như lâu nay. □

K.T.H

### Chú thích:

1- Câu 6261 - 6262, bản phiên âm, Nxb. Văn học & Trung tâm Văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, 2001. Câu 5981 - 5982 của *Thiên Nam ngữ lục* cũng ghi: Ngọc hoàng mới lại phán truyền/Lại cho Đông tử Thanh tiên xuống rày.

2- Xem *Tổng tập truyền thuyết dân gian người Việt* do Kiểu Thu Hoạch chủ biên, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004, tr. 34.

3- Lược thuật theo Nguyễn Công Việt: "Vài nét về phù ấn của Đạo giáo Việt Nam từ cuối thế kỷ 18 qua số ấn gỗ mới phát hiện", *Tạp chí Hán Nôm*, số 4 - 1998 và sách *Ấn chương Việt Nam từ thế kỷ 15 đến cuối thế kỷ 19*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005, tr. 162 - 172.

4- Số báo đã dẫn, tr. 102.

5- Các ấn/trịện đều khắc tên Trần Hưng Đạo, không phải là ấn của các vua nhà Trần, tức không phải là ấn hành chính của triều Trần.